



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Khu công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng

Website: www.chp.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Mục lục

I. Thông tin chung

1. Thông tin tổng quan
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh
4. Bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Rủi ro

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Ban Giám Đốc
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám Đốc
3. Các kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị

V. Quản trị công ty

1. Hội Đồng Quản Trị
2. Ban kiểm soát
3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



I. Giới thiệu:

- 1. Thông tin tổng quan**
- 2. Quá trình hình thành và phát triển**
- 3. Ngành nghề kinh doanh**
- 4. Bộ máy quản lý**
- 5. Định hướng phát triển**
- 6. Rủi ro**



1. THÔNG TIN TỔNG QUAN:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN TRUNG

Tên tiếng anh	:	Central Hydropower Join Stock Company
GĐKKD	:	3203000503
Vốn điều lệ	:	1.200.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của CSH	:	1.200.000.000.000 đồng
Địa chỉ	:	KCN Đà Nẵng, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Số điện thoại	:	0511 370 3310
Số fax	:	0511 393 5960
Website	:	www.chp.vn
Mã chứng khoán	:	CHP

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:



2004: Công ty được thành lập ngày 30/11/2004 với mức vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ

2005: Công ty được chính phủ cấp phép đầu tư dự án nhà máy thủy điện A Lưới có công suất 170MW, tổng đầu tư dự án là 3.234 tỷ đồng

2006: Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam chính thức trở thành cổ đông sáng lập công ty thay thế CTCP Xây Lắp Điện 1. Tháng 12 năm 2006, công ty quyết định tăng vốn điều lệ 1.200 tỷ

2007: Công ty triển khai khởi công dự án Nhà máy thủy điện A Lưới

2008: Công ty ký hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng, tổng giá trị 2.023 tỷ

2009: Công ty ký hợp đồng cung cấp thiết bị và dịch vụ kỹ thuật với liên danh giữa Dongfang Electric Corporation và Voith Siemens Hydro Kraftwerkstechnik GmbH & Co.KG. Tháng 04 năm 2009, công ty tổ chức lễ chặn sông A Sáp với sự chứng kiến của Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải

2010: Cổ phiếu công ty chính thức giao dịch trên sàn Upcom của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CHP. Tháng 10, công ty ký hợp đồng mua bán điện với công ty mua bán điện

2011: Công ty lần lượt hoàn tất các hạn mục công trình như Thông hầm tuyến công trình thủy điện A Lưới, Đóng cổng dẫn dòng, Hạ Rotor máy số 1, Tổ chức lễ tích nước cho Hồ thủy điện A Lưới tại tuyến đập

2012: Công ty đã tổ chức lễ mừng phát điện Nhà máy thủy điện A Lưới tại Nhà máy thủy điện A Lưới

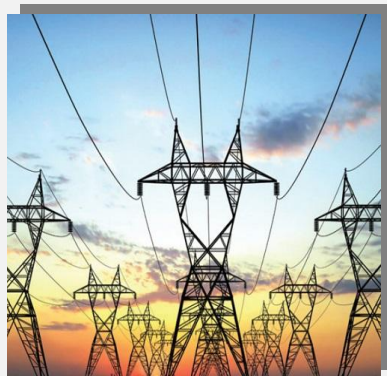
2014: Công ty thực hiện kế hoạch đưa cổ phiếu CHP chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

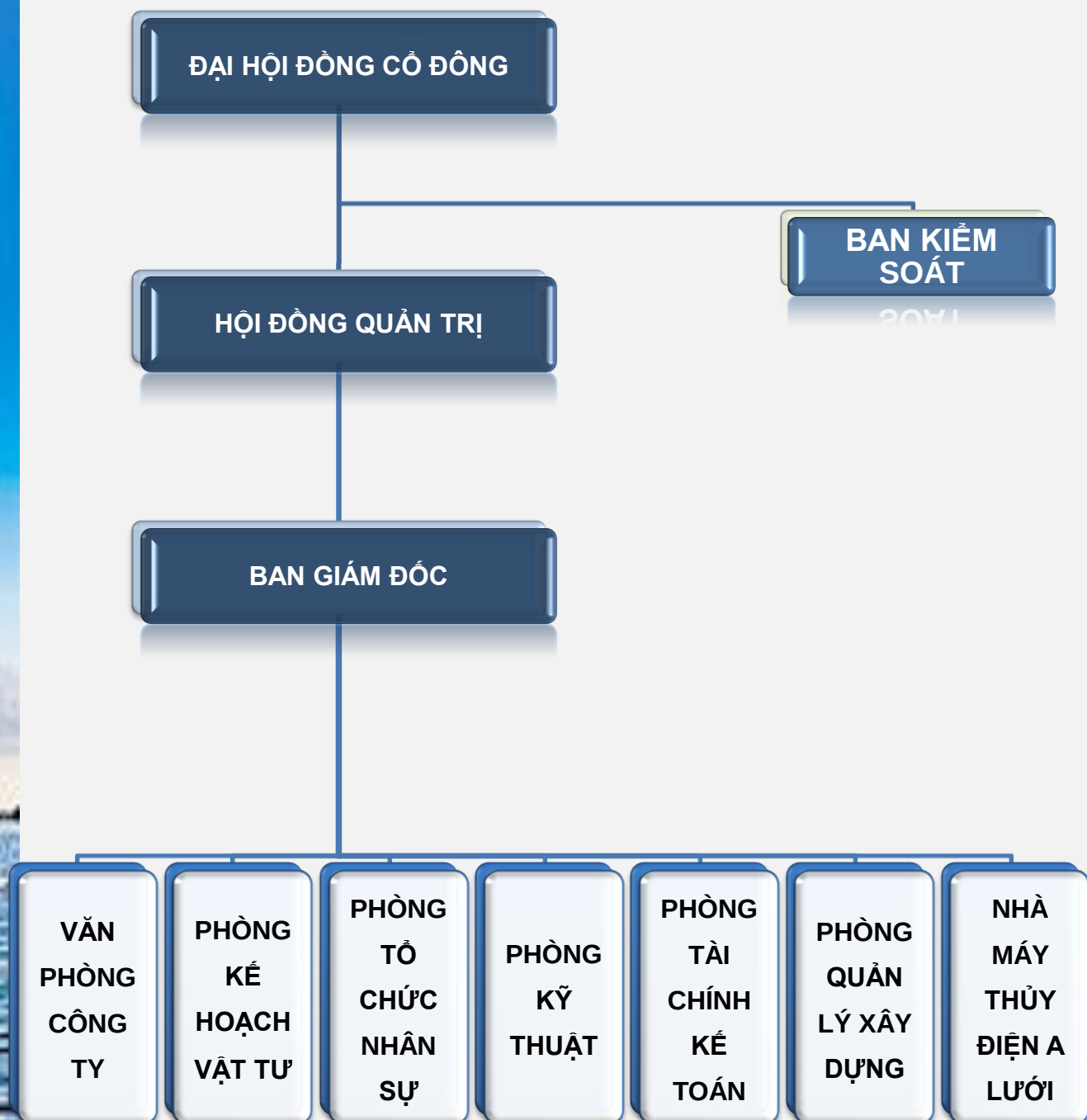
Ngành nghề kinh doanh chính:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn xây dựng các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn và thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (ngoài địa bàn thành phố).

Địa bàn kinh doanh:

- Huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế
- Lưới điện quốc gia Việt Nam



4. BỘ MÁY QUẢN LÝ:

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Các mục tiêu chủ yếu của công ty.

- Hoàn thành quyết toán dự án thủy điện A Lưới
- Tập trung toàn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng, đảm bảo cung cấp điện cho khu vực.
- Hoàn thành mục tiêu kế hoạch về doanh thu lợi nhuận qua các năm, cố gắng năm sau luôn cao hơn năm trước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Cải tạo môi trường làm việc, đảm bảo cho cán bộ công nhân viên được làm việc trong môi trường lành mạnh, cạnh tranh và chuyên nghiệp.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, bắt đầu từ khâu cải cách hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, đảm bảo công tác vận hành máy móc thiết bị, tránh tổn thất về người và tài sản.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh theo đúng lộ trình được chính phủ phê duyệt nhằm đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của công ty.
- Tiếp tục đầu tư thực hiện các dự án thủy điện khác, khẳng định năng lực, vị thế cũng như thương hiệu EVNCHP trên thị trường, đồng thời đảm bảo an sinh xã hội cho khu vực, mang ánh sáng đến những vùng miền còn khó khăn, góp phần phát triển kinh tế cho khu vực nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung.





Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Bên cạnh công tác chuyên môn EVNCHP tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội: tham gia Hội thao CNVCLĐ lần thứ XI năm 2013 do Công đoàn Tổng Công ty Điện lực miền Trung, tổ chức giải tennis, bóng đá, nấu ăn, cắm hoa nhân ngày 30/4 và 1/5 năm 2013; kỷ niệm 9 năm thành lập Công ty (30/11/2013)...
- Trong điều kiện đời sống CBCNV còn khó khăn nhưng thấm nhuần đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, CBCNV Công ty luôn nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội, tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa: đóng góp tiền lương của mình xây dựng 1 nhà tình nghĩa tại xã Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế với giá trị hơn 60 triệu đồng, quyên góp quần áo cũ và tiền ủng hộ bà con nhân dân khu tái định canh, định cư công trình thủy điện A Lưới, thực hiện tốt công tác phụng dưỡng Mẹ VNAH và tham gia quỹ tương trợ xã hội năm 2013. Ngoài ra CBCNV Công ty còn tham gia Hiến máu nhân đạo, tham gia công tác dân vận: làm đường bê tông xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng và tổ chức trồng cây xanh khu vực trước nhà máy thủy điện A Lưới.

6. RỦI RO:

Rủi ro kinh tế



Tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động đến hầu hết các ngành nghề trong nền kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng sản xuất kinh doanh, kéo theo nhu cầu sử dụng điện năng của các doanh nghiệp trong đó có Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung. Theo đó, bất kỳ biến động tích cực hay tiêu cực nào của tốc độ tăng trưởng kinh tế đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Năm 2012, đứng trước nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu, các cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu,... đã gây ra không ít khó khăn cho nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. GDP năm 2012 giảm còn 5.25%. Sang năm 2013, nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu khôi phục dù chưa thật sự mạnh. Tổng kết năm 2013, GDP Việt Nam đạt 5.42%. Đây là một dấu hiệu tương đối khả quan, báo hiệu nền kinh tế năm 2014 sẽ có nhiều kỳ vọng hơn.

Rủi ro lãi suất



Khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 đã gây tác động đẩy lãi suất trong nước lên đỉnh điểm 21%/năm. Tình hình khó khăn chung của nền kinh tế kéo dài, lạm phát tăng cao bắt buộc chính phủ phải sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ trong những năm tiếp theo. Năm 2011, lãi suất trong nước giao động ở mức 20% - 25%/năm gây sức ép lớn cho hầu hết tất cả các doanh nghiệp trong nước. Từ năm 2012 đến nay, lãi suất cho vay đã được điều chỉnh giảm và duy trì ở mức ổn định từ 10% - 12% năm, giảm bớt gánh nặng chi phí lãi vay, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động của các công ty.

Rủi ro luật pháp



Là doanh nghiệp dưới hình thức công ty cổ phần, mọi hoạt động của công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung sẽ chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định khác liên quan đến hoạt động của công ty trên thị trường chứng khoán và một số bộ luật khác như Luật thuế, Luật đầu tư,... Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập WTO, hệ thống pháp luật Việt Nam sẽ còn nhiều thay đổi, cải tiến để phù hợp hơn với chuẩn mực quốc tế. Mọi thay đổi trong hệ thống luật pháp Việt Nam đều có tác động đến hoạt động của tất cả các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Thủy Điện Miền Trung nói riêng. Ngoài ra, ngành điện là ngành đặc thù, chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của nhà nước. Do đó, là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành điện lực, công ty còn chịu sự tác động của những nghị định, văn bản của Nhà nước trong lĩnh vực này.

Rủi ro đặc thù



Đối với doanh nghiệp thủy điện, điều kiện tự nhiên đặc biệt là nguồn nước là yếu tố rủi ro lớn nhất vì sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn nước. Vào mùa khô, hoặc trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa thấp, kéo theo lượng nước tích trữ trong các hồ thủy điện thấp hơn so với mức thiết kế. Đây là nguyên nhân làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng, lượng điện sản xuất không đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng, nhà máy hoạt động không hết công suất. Trái lại, trường hợp mưa lớn hoặc lũ lụt xảy ra có thể gây thiệt hại cho các công trình đường xá, đập đập của nhà máy. Ngoài ra, tình trạng mưa lũ kéo dài làm ảnh hưởng công tác phát điện, lượng nước tích trữ trong các hồ thủy điện vượt mức thiết kế gây nguy cơ vỡ đập thủy điện và gây thiệt hại lớn.

Rủi ro giá đầu ra



Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) là đơn vị độc quyền thu mua và cung cấp điện trên lãnh thổ Việt Nam. Giá cả đầu ra sẽ do EVN và công ty đàm phán dựa trên giá cả thị trường. Vì vậy, mọi sự biến động tích cực hay tiêu cực của giá cả thị trường, hay quyết định khung giá từ EVN cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất và doanh thu của công ty.

Rủi ro khác



Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh .. đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, công ty cần tham gia các hoạt động bảo hiểm cho người lao động và tài sản.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1. Tình hình SXKD trong năm**
- 2. Tổ chức nhân sự**
- 3. Tình hình đầu tư dự án**
- 4. Tình hình tài chính**
- 5. Cơ cấu cổ đông**

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:**

STT	Nội dung	ĐV	TH 2012	Năm 2013		TH 2013/ 2012	TH/ KH 2013
				KH	TH		
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	284,519	588,518	619,460	117%	5%
2	Điện tự dùng và Tồn thất MBA	%	1,19%	1,2%	0,73%		
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	269,710	582,252	615,740	128%	6%
4	Tổng thu	Triệu đồng	233.152	499.763	537.970	130%	8%
5	Tổng Chi phí	Triệu đồng	264.134	401.062	412.005	56%	3%
	- Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	131.922	-	197.393	50%	-
	- Chi phí tài chính	Triệu đồng	118.223	-	190.896	61%	-
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	11.585	-	23.302	101%	-
	- Chi phí khác	Triệu đồng	2.404	-	414	-83%	-
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 6.957	98.701	125.965	-	28%
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 6.957	98.701	125.965	-	28%

Năm 2013, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã thống nhất mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đề ra. Theo đuổi mục tiêu đã đề ra, toàn thể công ty luôn hết sức quyết liệt trong công tác sản xuất kinh doanh và đã đạt được kết quả đáng khích lệ trong năm 2013. Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2013 đạt hơn 615 triệu kWh, gấp đôi sản lượng năm 2012 và vượt 6% so với kế hoạch đề ra. Tổng chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty cũng tăng 3% so với kế hoạch. Tuy nhiên, sự gia tăng trong chi phí không có tác động đáng kể đến lợi nhuận sau thuế năm 2013 của công ty. Tổng kết năm 2013, lợi nhuận công ty đạt 126 tỷ vượt 28% so với kế hoạch.

Những yếu tố làm nên thành công của công ty trong năm 2013:

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Dự án A lưới hoàn thành và đi vào hoạt động hết công suất.
- Điều hành đồng bộ các khâu từ công tác mua sắm cung ứng vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, sửa chữa đảm bảo cho thiết bị vận hành ổn định, tin cậy, kịp thời đáp ứng mọi chế độ vận hành của Điều độ hệ thống điện, khắc phục sự cố kịp thời, kết quả quý 4 vượt sản lượng kế hoạch đề ra, các tháng 10, 11 phát điện đạt 100% công suất cụ thể: tháng 10: 122/116 triệu KWh đạt 105% kế hoạch, tháng 11: 122/112 triệu KWh đạt 108% kế hoạch
- Công tác thị trường điện: Xác định thời điểm bắt đầu tham gia thị trường điện phù hợp, có phương án chào giá hợp lý nhờ vậy mùa khô doanh thu bán điện khi tham thị trường điện cao hơn doanh thu hợp đồng là 20 tỷ, mùa mưa được huy động với công suất gần tối đa (24/24h). Lũy kế kể từ khi tham gia thị trường điện 15/4/2013 đến 31/12/2013 doanh thu khi tham gia thị trường điện cao hơn doanh thu hợp đồng là 3,96 tỷ đồng.
- Công tác tiểu tu TM2 rút ngắn thời gian so với kế hoạch 3 ngày.
- Năm 2013 Công ty không xảy ra tai nạn lao động, sự cố chủ quan, công tác môi trường được đảm bảo.
- Hiệu chỉnh bổ sung chức năng nhiệm vụ của các bộ phận kịp thời, tiến hành thực hiện mô tả công việc các CBCNV phù hợp với giai đoạn sản xuất mới của công ty. Hiệu chỉnh và cập nhật các bộ quy chế đã ban hành, đồng thời ban hành bổ sung các quy chế, quy trình mới để phục vụ quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

Ban điều hành công ty:



TRƯƠNG CÔNG GIỚI
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÂM UYÊN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ QUÝ ANH TUẤN
P. TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỖNH MAI
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trương Công Giới**Tổng Giám Đốc**

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Quảng Nam

CMND: 200775572

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi - thủy điện; Kỹ sư điện

Quá trình công tác:

- 1985 - 1991: Kỹ sư giám sát tại Ban QLCT thủy điện An Điền
- 1992 - 1997: CV Phòng Thủy điện, Phòng QLXD Công ty Điện lực 3
- 1997 - 1998: PTB QLDA thủy điện Ayun Hạ - Công ty Điện lực 3
- 1999 - 2004: Phó trưởng phòng Quản lý xây dựng, Trưởng phòng quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3
- Từ 2005 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 15.563.505 cổ phần
- Cá nhân: 29.600 cổ phần
- Người có liên quan: 115.000 cổ phần

Lâm Uyên**Phó Tổng Giám Đốc**

Năm sinh: 1961

Nơi sinh: Quảng Ngãi

CMND: 201473113

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

- 1985 - 1991: Kế toán trưởng Ban quản lý công trình thủy điện An Điền ở tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng
- 1992 - 1994: Làm việc ở Ban quản lý công trình thủy điện Ialy
- 1994 – 1995: Chuyên viên tài chính Công ty điện lực 3
- 1996 – 2005: Kế toán trưởng Ban quản lý dự án lưới điện Công ty Điện lực 3

- Từ 2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Miền Trung
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 65.000 cổ phiếu

Lê Quý Anh Tuấn**Phó Tổng Giám Đốc**

- Năm sinh: 1969
 Nơi sinh: Nghệ An
 CMND: 271661035
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điện
 Quá trình công tác:
- Từ 1992 đến 2007: Công tác tại Công ty Thủy điện Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Chức vụ: Trưởng ca- Phó QĐốc - QĐốc – T.P KH - Kỹ thuật)
 - Từ 2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Miền Trung
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 35.000 cổ phiếu

Huỳnh Mai**Kế Toán Trưởng**

- Năm sinh: 1970
 Nơi sinh: Đà Nẵng
 CMND: 201008264
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:
- Từ năm 1993 đến 2004: Chuyên viên phòng Tài chính – Công ty Điện lực 3
 - Từ năm 2005 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ:
- Cá nhân: 40.000 cổ phiếu.
 - Người có liên quan: 25.000 cổ phiếu

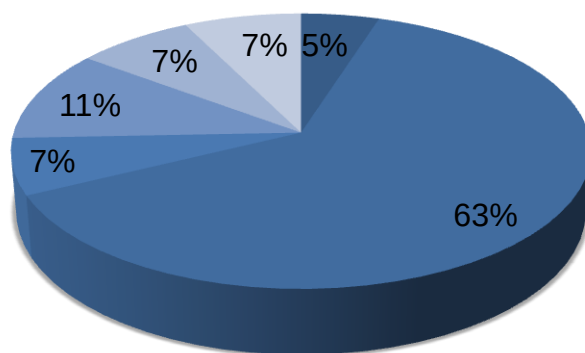
Ghi chú: Số lượng cổ phần Ban điều hành nắm giữ căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 14/01/2014

Nhân sự công ty:

Tiêu chí	SL (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ	121	100%
- Thạc Sĩ	6	5,0
- Đại học	76	62,8
- Cao Đẳng	8	6,6
- Trung cấp	13	10,8
- Sơ cấp	9	7,4
- Công nhân chuyên nghiệp	9	7,4
Theo loại hợp đồng	121	100%
- Không xác định thời hạn	119	98,3
- Xác định thời hạn	2	1,7
Theo giới tính	121	100%
- Nam	107	88,4
- Nữ	14	11,6

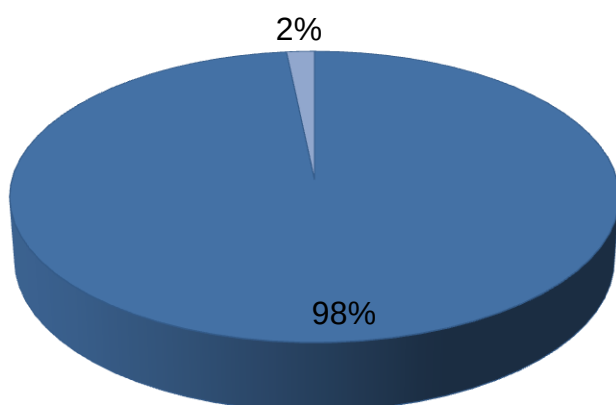
Cơ cấu lao động theo trình độ

- Thạc Sĩ
- Đại học
- Cao Đẳng
- Trung cấp
- Sơ cấp
- Công nhân chuyên nghiệp



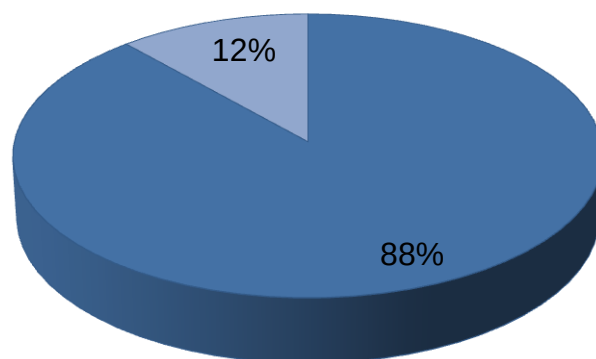
Cơ cấu lao động theo loại hợp đồng

- Không xác định thời hạn
- Xác định thời hạn



Cơ cấu lao động theo giới tính

- Nam
- Nữ



Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Lao động thường xuyên chỉ áp dụng cho số lao động có công việc thường xuyên, yêu cầu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm chuyên sâu, cần đào tạo kỹ. Số lao động và công việc kỹ thuật tương đối phổ thông, dễ tìm kiếm, thay thế, công ty chuyển sang sử dụng lao động thời vụ hoặc các dịch vụ xã hội. Công ty đang chỉnh biên lại toàn bộ các nội quy, quy chế quản lý, đặc biệt là các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với giai đoạn sản xuất kinh doanh điện hiện nay.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi:

Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động: đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Trả lương theo khối lượng, chất lượng lao động, hiệu quả công việc và tính trách nhiệm của từng người trên cơ sở chuyên môn, kỹ thuật kinh nghiệm quản lý và vai trò đóng góp cho việc hoàn thành nhiệm vụ trong công ty
- Lương được trả theo kết quả công việc đã thực hiện và vị trí, chức danh đang đảm nhận. Khi thay đổi vị trí, chức danh thì tiền lương sẽ thay đổi tương ứng với vị trí, chức danh mới.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Ngoài các chính sách nói trên, các chính sách khác được áp dụng theo đúng Luật lao động như: người lao động ký kết hợp đồng lao động được trả tiền lương theo đúng hợp đồng đã ký và theo Luật lao động nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định, được quyền khiếu nại và tranh chấp trên hợp đồng lao động, được tạo điều kiện thuận lợi trong lao động và học tập, được bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong quá trình làm việc,...



3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN:



Dự án thủy điện Đắk Drinh2:

Công ty cổ phần thủy điện miền Trung đã làm việc lại với UBND tỉnh Quảng Ngãi về tiến độ thực hiện dự án. Theo yêu cầu của Sở Công thương, EVNCHP đang triển khai 2 gói thầu 01/TV-DR2 (Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường), 04/TV-DR2 (Đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000) và một số thủ tục khác để UBND tỉnh Quảng Ngãi xem xét việc tiếp tục đầu tư và điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:**Tình hình tài chính***Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.327.121	3.408.804	2%
Doanh thu thuần	233.516	528.415	126%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 7.723	126.003	-
Lợi nhuận khác	766	- 39	-105%
Lợi nhuận trước thuế	- 6.957	125.965	-
Lợi nhuận sau thuế	- 6.957	125.965	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	7%	-

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,65	0,68
- Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,65	0,59
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,15%	63,21%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	178,94%	171,82%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	1026,25	8,32
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	0,07	0,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-2,98%	23,84%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	-0,59%	10,30%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/TTS bình quân	%	-0,21%	3,74%
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-3,31%	23,85%

5. CỔ ĐÔNG:**Cổ phần**

- Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 120.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 120.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	SL cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu CP
I	Cổ đông trong nước	4.315	119.870.400	1.198.704.000	99,89
1	Cổ đông Nhà nước	4	72.100.910	721.009.100	60,09
2	Cổ đông tổ chức	5	7.193.260	71.932.600	5,99
3	Cổ đông cá nhân	4.306	40.576.230	405.762.300	33,81
II	Cổ đông nước ngoài	6	129.600	1.296.000	0,11
1	Cá nhân	6	129.600	1.296.000	0,11
2	Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng		4.321	120.000.000	1.200.000.000	100%

Cơ cấu cổ đông lớn:

STT			Giá trị (nghìn đồng)	CP (%)
1	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	27.563.505	275.635.050	22,97
2	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	27.563.505	275.635.050	22,97
3	Tổng công ty Phát điện 1	6.261.800	62.618.000	5,22
4	Tổng công ty Điện lực Hà Nội	10.712.100	107.121.000	8,93
5	Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	6.000.000	60.000.000	5

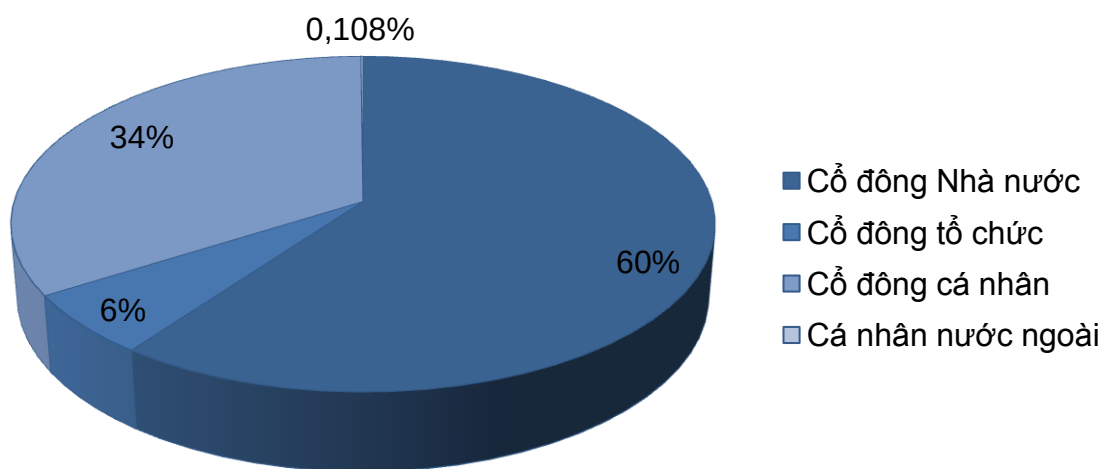
Cơ cấu cổ đông sáng lập:

STT			Gía trị (nghìn đồng)	CP (%)
1	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	27.563.505	275.635.050	22,97
2	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	27.563.505	275.635.050	22,97
3	Tổng công ty Điện lực Hà Nội	10.712.100	107.121.000	8,93
4	Tổng công ty Phát điện 1	6.261.800	62.618.000	5,22

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông

Ghi chú: Cơ cấu cổ đông căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 14/01/2014



III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 1. Đánh giá tình hình SXKD trong năm**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, quản lý**
- 4. Kế hoạch tương lai**

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cc dịch vụ	233.152	528.415
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	233.152	528.415
4	Giá vốn hàng bán	131.922	197.393
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	101.230	331.021
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20.856	9.180
7	Chi phí tài chính	118.223	190.896
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>117.407</i>	<i>190.650</i>
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.585	23.302
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- 7.723	126.003
11	Thu nhập khác	3.171	375
12	Chi phí khác	2.404	414
13	Lợi nhuận khác	766	- 39
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	- 6.957	125.965
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	- 6.957	125.965
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-58	1.050

Điểm mạnh

- Nhà máy Thủy Điện A Lưới đã được hoàn thành và đi vào sản xuất đúng tiến độ, công tác quyết toán nhà máy dự kiến sẽ được hoàn thành trong năm 2014.
- Thực hiện cơ chế phát điện sạch cho nhà máy thủy điện A Lưới, nhà máy đã được EB quốc tế phê chuẩn, được bán chỉ tiêu giảm phát thải CERs, nâng cao tính cạnh tranh của công ty
- HĐQT thường xuyên chỉ đạo kịp thời, sát sao, giải quyết các khó khăn vướng mắc nảy sinh trong kinh doanh, trong tất cả các khâu từ công tác mua sắm cung ứng vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành, sửa chữa đảm bảo cho thiết bị vận hành ổn định, tin cậy, kịp thời đáp ứng mọi chế độ vận hành của Điều độ hệ thống điện.
- Tập thể cán bộ Công nhân viên đoàn kết, gắn bó với nỗ lực và lòng quyết tâm cao phấn đấu hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ trọng tâm do Đại hội cổ đông đề ra.

Thách thức

- Lãi suất cho vay năm 2013 đã được điều chỉnh giảm, tuy nhiên vẫn còn ở mức cao. Nguồn vốn vay với lãi suất thấp vẫn còn khó tiếp cận.
- Phụ thuộc điều kiện tự nhiên đặc thù tại khu vực huyện A Lưới, sản lượng điện chỉ tập trung chủ yếu vào quý 4. Quý 4 hàng năm ở Miền Trung thường xuất hiện bão, lũ nên việc phát điện gặp nhiều rủi ro do ảnh hưởng của sự cố hệ thống lưới điện, hồ A Lưới chỉ điều tiết theo tuần.

Điểm yếu

- Tọa lạc tại khu vực thường xuyên xảy ra bất ổn về thời tiết, dễ gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chi phí đầu tư ban đầu cao, thời gian đầu tư lâu.

Cơ hội

- Kinh tế Việt Nam năm 2013 đã có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng kinh tế cả năm đạt mức 5,42%, tỷ lệ lạm phát trong nước được kiểm chế ở mức 6,04% thấp hơn kế hoạch ban đầu 8%.
- Mặt bằng lãi suất trong năm 2013 cũng được điều chỉnh giảm 2-5% so với năm 2012, giảm bớt gánh nặng về chi phí lãi vay.
- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh có liên quan trực tiếp đến vấn đề an sinh xã hội cũng như đảm bảo kinh tế của khu vực. Vì vậy, công ty luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của các cấp, chính quyền địa phương.
- Năm 2013, công ty vẫn còn được hưởng ưu đãi từ chính sách thuế của chính phủ.
- Tận dụng ưu thế từ việc xác định thời điểm bắt đầu tham gia thị trường điện phù hợp, có phương án chào giá hợp lý nhờ vậy mùa khô doanh thu bán điện khi tham gia thị trường của công ty cao hơn doanh thu hợp đồng

2. Tình hình tài chính:

Tình hình tài sản tính đến 31/12/2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	3.288.401	3.025.639	92,01%
1.1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.789.765	1.687.619	94,29%
1.2	Máy móc, thiết bị	1.492.301	1.334.910	89,45%
1.3	Phương tiện vận tải	5.953	2.993	50,28%
1.4	Thiết bị, dụng cụ	333	77	23,12%
1.5	TSCĐ khác	49	40	81,63%
2	Tài sản vô hình	45	0	0
2.1	Phần mềm máy tính	45	-	0
2.2	TSCĐ vô hình khác	-	-	-

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Nợ ngắn hạn	455.679	539.503
Vay và nợ ngắn hạn	214.400	140.000
Phải trả người bán	214.857	176.287
Người mua trả trước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.684	20.173
Phải trả công nhân viên	3.639	1.061
Chi phí phải trả	-	146.968
Phải trả phải nộp khác	14.099	50.349
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.665
Nợ dài hạn	1.678.664	1.615.223
Phải trả dài hạn khác	-	-
Vay và nợ dài hạn	1.678.664	1.615.223
Tổng cộng	2.134.343	2.154.726

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

- Hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong công tác quyết toán dự án Nhà máy thủy điện A Lưới.
- Xử lý tốt và kịp thời các sự cố xảy ra tại địa bàn kinh doanh như hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại do nước dâng hồ chứa, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do bão lớn xảy ra trong khu vực giúp củng cố uy tín của công ty với người dân cũng như chính quyền địa phương.
- Cập nhật kịp thời quy định mới về quản trị công ty, công bố thông tin, đảm bảo tính công khai và minh bạch trong hoạt động của công ty, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, đồng thời tạo thuận lợi cho tiến trình đưa cổ phiếu công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. Về doanh thu đạt mức 527 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 115 tỷ đồng và hoàn tất quyết toán dự án Nhà máy thủy điện A Lưới.
- Làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để gia hạn thời gian đầu tư dự án thủy điện Dakdrinh 2.
- Cải tiến môi trường làm việc bằng cách áp dụng phương pháp 5S, ngăn chặn sự xuống cấp của nhà xưởng, tạo sự thông thoáng cho nơi làm việc, đỡ mất thời gian cho việc tìm kiếm vật tư, hồ sơ cũng như tránh sự nhầm lẫn. Người làm việc cảm thấy thoải mái, làm việc có năng suất cao và tránh được sai sót. Các thiết bị sản xuất hoạt động trong môi trường phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng an toàn.



IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Đánh giá của HĐQT về SXKD**
- 2. Đánh giá của HĐQT về BGĐ**
- 3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT**

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẠC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều kiện tự nhiên trong khu vực có nhiều bất ổn trong năm 2013, miền Trung liên tiếp xảy ra mưa kéo dài và bão lớn, đặc biệt là trong giai đoạn cuối năm gây không ít tác động đến công ty. Tuy nhiên, về tổng quan nền kinh tế năm 2013 có nhiều chuyển biến tích cực, các yếu tố vĩ mô đều ổn định hơn so với năm 2012 góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn quan tâm sát sao đến các hoạt động của công ty từ công tác sản xuất kinh doanh đến chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên. Kết quả năm 2013, công ty hoàn thành vượt kế hoạch về cả doanh thu và lợi nhuận.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:



Nhìn chung năm 2013 Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành công ty đạt hiệu quả, tiết kiệm chi phí, hoạt động đúng Pháp luật được cán bộ công nhân viên tín nhiệm, quan hệ tốt với đối tác, đặc biệt với chính quyền địa phương, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Doanh nghiệp với Nhà Nước.

Ban Tổng giám đốc công ty trong công tác điều hành đã bám sát nghị quyết Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng phân cấp, phân quyền. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, Ban giám đốc đều xin ý kiến hội đồng quản trị bằng văn bản để tổ chức thực hiện.

3. CÁC KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường nhằm đảm bảo hoạt động của công ty, xử lý kịp thời các trường hợp bế tắc và đưa ra định hướng hoạt động phù hợp cho công ty.

Tiếp tục khai thác các dự án đã hoàn tất, đầu tư các dự án mới góp phần phát triển kinh tế khu vực và đảm bảo an sinh xã hội.

Xây dựng thương hiệu EVNCHP thành một thương hiệu vững mạnh.

Tiếp tục hỗ trợ nhằm đảm bảo đời sống của người dân trong khu vực, hạn chế tối đa thiệt hại hay ảnh hưởng từ nhà máy thủy điện tác động đến đời sống dân cư, củng cố uy tín và hình ảnh công ty với người dân cũng như các cấp chính quyền địa phương.





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1. Hội đồng quản trị**
- 2. Ban kiểm soát**
- 3. Thủ lao HĐQT, BKS**

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**Thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Hữu Tâm	TV HĐQT
3	Nguyễn Hữu Phương	TV HĐQT
4	Trương Công Giới	TV HĐQT
5	Nguyễn Tuấn Anh	TV HĐQT
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT

Sơ yếu lý lịch Thành viên HĐQT

Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1955 Nơi sinh: TP. HCM CMND: 021575708 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện Quá trình công tác: - 03/1978 - 03/1994: Chuyên viên Phòng Vật tư Công ty Điện lực 2 - 03/1994 - 06/1995: Phó phòng Vật tư Công ty Điện lực 2 - 06/1995 - 11/1996: Trưởng phòng Kinh tế đối ngoại Công ty Điện lực 2 - 11/1996 - 06/1997: Trưởng phòng Vật tư Công ty Điện lực 2 - 06/1997 - 05/1998: Trưởng phòng Hợp tác quốc tế Công ty Điện lực 2 - 05/1998 - 04/2003: Phó Giám đốc Công ty Điện lực 2 - 05/2003 - 04/08/2005: Giám đốc Công ty Điện lực 2 - 05/08/2005 - 31/12/2006: Giám đốc Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh - 01/01/2006 - 4/2010: Giám đốc Công ty Điện lực 2 - 4/2010 đến nay: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty điện lực miền Nam Số lượng cổ phiếu nắm giữ: - Đại diện: 27.563.505 cổ phần - Cá nhân: 30.000 cổ phần - Người có liên quan: 300.000 cổ phần	

Nguyễn Hữu Tâm

TV HĐQT

Năm sinh: 1954

Nơi sinh: Đà Nẵng

CMND: 200036236

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1980 - 1988: Nhân viên TCKT Công ty Điện lực 3
- 1988 - 1993: Phó phòng TCKT Công ty Điện lực 3
- 1993 - 1995: Trưởng phòng TCKT Công ty Điện lực 3
- 1995 - 04/2010: Kế toán trưởng Công ty Điện lực 3
- 04/2010 đến nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 12.000.000 cổ phần
- Cá nhân: 90.000 cổ phần
- Người có liên quan: 90.000 cổ phiếu

Nguyễn Hữu Phương

TV HĐQT

Năm sinh: 1955

Nơi sinh: Vĩnh Long

CMND: 02061002 9

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 03/1978 - 12/1980: Cán bộ Kế toán – Ban Thiết kế điện Công ty Điện lực 2
- -01/1981 - 10/1988: Phó phòng TCKT – XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 11/1988 - 01/1991: Trưởng phòng TCKT - XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 02/1991 - 10/1998: Kế toán trưởng - XN Xây lắp điện Công ty Điện lực 2
- 11/1998 - 15/07/1999: Phó phòng TCKT Công ty Điện lực 2
- 16/7/1999 - 30/12/2006: Kế toán trưởng - Công ty Điện lực 2
- 01/01/2007 - 4/2010: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty Điện lực 2
- 4/2010 - 2010: Trưởng ban Kế hoạch Tổng công ty điện lực miền Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 30.000 cổ phiếu

Nguyễn Tuấn Anh

TV HĐQT

Năm sinh: 1972

Nơi sinh: Hà Nam

CMND: 168006871

Trình độ chuyên môn: KS Hệ thống điện, Cử nhân Kinh tế,
Ths Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 7/2002 - 9/2008: Chuyên viên Ban Lao động tiền lương,
Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- 10/2008 - 12/2012: Chuyên viên Ban Tổ chức và Nhân sự
Tập đoàn điện lực Việt Nam;
- 01/2013 đến nay: Trưởng Ban Tổ chức và Nhân sự Tổng
công ty Phát điện 1

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 6.261.800 cổ phần
- Cá nhân: 8.250 cổ phần

Nguyễn Anh Tuấn

TV HĐQT

Năm sinh: 1967

Nơi sinh: Hà Nội

CMND: 011795173

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

- 8/1990 - 6/1994: CV phòng Kế hoạch Sở Điện lực Hà Nội
- 6/1994 - 2/1996: CV phòng Xây dựng cơ bản Công ty điện
lực thành phố Hà Nội
- 2/1996 - 12/1996: Phó trưởng phòng Xây dựng cơ bản
Công ty ĐL Hà Nội
- 12/1996 - 08/1998: Tổ trưởng Tổ đấu thầu Công ty điện
lực Hà Nội
- 08/1998 - 08/2000: Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty
ĐL Hà Nội
- 8/2000 - 3/2003: Phó trưởng ban Quảng lý dự án Công ty
ĐL Hà Nội
- 3/2003 - 7/2008: TP Kế hoạch Công ty Điện lực Hà Nội
- 7/2008 - 3/2010: PGĐ Công ty Điện lực thành phố Hà Nội
- 4/2010 - 20/20/2013: Phó tổng giám đốc Tổng công ty điện
lực Hà Nội
- 21/10/2013 đến nay: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tổng
công ty Điện lực thành phố Hà Nội

Số lượng cổ phiếu nắm giữ:

- Đại diện: 10.712.100 cổ phần
- Cá nhân: 8.000 cổ phần

Cá tiểu ban thuộc HĐQT: hiện tại công ty chưa thành lập cá tiểu ban thuộc HĐQT, khi có phát sinh nhu cầu, các tiểu ban trợ thuộc HĐQT sẽ được thành lập theo đúng quy định pháp luật và hoạt động theo Quy chế quản trị công ty.

Hoạt động của HĐQT, các cuộc họp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thành Duy	Chủ tịch HĐQT	04	100	
2	Nguyễn Hữu Tâm	TV HĐQT	04	100	
3	Nguyễn Hữu Phương	TV HĐQT	04	100	
4	Nguyễn Nghiêm Lĩnh	TV HĐQT	02	50	Thôi giữ chức vụ TV HĐQT
5	Trương Công Giới	TV HĐQT	04	100	
6	Nguyễn Tuấn Anh	TV HĐQT	02	50	Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2013
7	Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT	01	25	Bổ nhiệm từ ngày 17/12/2013

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ-CHP-HĐQT	17/05/2013	- Thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2012. Đề nghị công ty hoàn chỉnh báo cáo trình ĐHCĐ thường niên năm 2013
2	02/2013/NQ-EVNCHP-HĐQT	26/06/2013	- Các bước chuẩn bị cho ĐHCĐ thường niên năm 2013. - Kết luận về đề xuất 4 bước đàm phán của công ty với những tồn tại của Hợp đồng 82/CHP-DEC/VSHK/ALUOI - Thông qua nội dung Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung giữa công ty với NH phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế. - Thông qua nội dung hợp đồng mua bán điện sửa đổi, bổ sung giữa công ty với công

			ty mua bán điện – EVN.
3	03/2013/NQ- EVNCHP- HĐQT	01/11/2013	- Bổ sung chi phí hoạt động phát sinh trong năm 2013. - Phê duyệt bổ sung và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu các gói thầu: 02/2013/XL; 04/2013/XL; 07/2013/TB. - Bổ sung kế hoạch đấu thầu gói thầu số 01/XL-TR. - Phê duyệt chi phí thực hiện thẩm định Tổng mức đầu tư và quyết toán vốn đầu tư công trình Thủy điện A Lưới. - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. - Thông qua kế hoạch lao động tiền lương năm 2014
4	04/2013/NQ- EVNCHP- HĐQT	17/12/2013	- Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức vụ TV HĐQT - Thống nhất hoàn thành doanh thu, lợi nhuận quyết toán năm 2013. - Tạm duyệt thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013 - Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013. - Tạm duyệt giá trị tài sản cố định Nhà máy thủy điện A Lưới. - Thống nhất xếp hạng doanh nghiệp hạng 1 cho công ty. - Phê duyệt chi phí hoạt động công ty năm 2014. - Thống nhất bổ sung và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu các gói thầu Nhà máy thủy điện A Lưới - Phê duyệt phương án hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại do nước dâng hồ chứa thủy điện A Lưới. - Phê duyệt chi phí hỗ trợ khắc phục bão lũ ở Quảng Ngãi. - Phê duyệt chi phí tổ chức hội thảo quyết toán vốn đầu tư và tri ân các nhà tài trợ vốn cho dự án Thủy Điện A Lưới. - Thống nhất để công ty lập hồ sơ niêm yết cổ phiếu tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. BAN KIỂM SOÁT:**Thành viên Ban kiểm soát**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ngô Tấn Hồng	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Thang Thanh Hà	TV Ban Kiểm Soát
3	Trần Văn Thương	TV Ban Kiểm Soát

Ngô Tấn Hồng	Trưởng Ban Kiểm Soát
Năm sinh: 1965 Nơi sinh: Đà Nẵng CMND: 200833028 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán Quá trình công tác: - 10/1986 - 06/1988: Kế toán – XN vận tải thủy sản, Trạm tiếp nhận vận chuyển thủy sản Cam Ranh - 7/1988 - 2/1992: Kế toán trưởng, Phó phòng kế hoạch Trạm tiếp nhận vận chuyển thủy sản Cam Ranh - 3/1992 - 4/2002: Kế toán tại phòng Tài chính – Công ty Điện lực 3 - 5/2002 - 3/2010: Phó trưởng phòng Tài chính – Công ty Điện lực 3 - 3/2010 đến nay: Kiểm soát viên trưởng Tổng công ty điện lực miền Trung Số lượng cổ phiếu nắm giữ: - Cá nhân: 37.500 cổ phiếu - Người có liên quan: 75.000 cổ phiếu	

Thang Thanh Hà	TV Ban Kiểm Soát
Năm sinh: 1962 Nơi sinh: Hà Nội CMND: 022649613 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi – Kỹ sư điện Quá trình công tác: - 1986 - 1993: Công tác tại Trung tâm năng lượng thuộc Công ty Điện lực 2 (nay là Công ty tư vấn thiết kế điện 3) - Tham gia khảo sát xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 35kV - Tham gia xây dựng Thủy điện: Trị An, Thác Mơ, Hàm Thuận Đa Mi - Tham gia xây dựng đường dây 500kV	

- 1994 - 4/2010: Công tác tại Phòng Thanh tra BV Pháp chế Công ty Điện lực 2
- 4/2010 đến nay: Trưởng ban Thanh tra bảo vệ Tổng công ty điện lực miền Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu

Trần Văn Thương

TV Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1968

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 150823717

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác:

- 1989 - 1998: Phó phòng Kế hoạch - Vật tư Điện lực Hai Bà Trưng, Công ty Điện lực Hà Nội
- 1990 - 2010: Phó phòng Tổ chức Lao động - Công ty Điện lực Hà Nội
- Từ 2010 đến nay: Kiểm soát viên trưởng Tổng công ty điện lực Hà Nội

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 30.000 cổ phiếu

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Phiên họp	Số TV tham dự	Nội dung
11/04/2013	3/3	Kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012
09/09/2013	3/3	Thông qua quy chế làm việc của của Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình thủy điện A Lúoi và triển khai công tác kiểm tra quyết toán các gói thầu, xây lắp hoàn thành của Dự án Nhà máy thủy điện a Lúoi
24/10/2013	3/3	Tổng kết công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư các gói thầu xây lắp hoàn thành của dự án nhà máy thủy điện A Lúoi đợt 1 (09/09/2013 đến 20/10/2013)

- Ngoài ra, Ban kiểm soát còn được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm nhằm nâng cao sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, đồng thời theo sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ của HĐQT.
- Định kỳ 02 lần trong năm, Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đợt 01 diễn ra từ ngày 11/04/2013 đến ngày 12/04/2013, đợt 02 từ ngày 09/09/2013 đến ngày 12/09/2013.

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2013:

- Giám sát công tác sản xuất kinh doanh: Ban lãnh đạo công ty tuân thủ quyết định của Đại hội đồng cổ đông, triển khai đúng tinh thần các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra, đảm bảo công tác vận hành nhà máy, xử lý sự cố kịp thời. Kết quả kinh doanh năm 2013 hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.
- Giám sát công tác đầu tư xây dựng: Dự án A Lưới được công ty hoàn thành đúng tiến độ, đang đi vào sản xuất hiệu quả. Công ty đã có kế hoạch làm việc với các cấp chính quyền về phương án đầu tư xây dựng các dự án khác.
- Giám sát công tác tài chính: năm 2013 công ty không thực hiện tăng vốn, báo cáo tài chính công ty được kiểm toán đầy đủ và kịp thời
- Giám sát công tác thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, chi phí hoạt động năm 2013 của công ty được Ban kiểm soát thẩm định nhằm đảm bảo tính phù hợp, đảm bảo lợi ích cổ đông trước khi thông qua Hội đồng quản trị.

3. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT:**Thù lao của HĐQT, BKS:**

STT	Họ và tên	ĐVT	Thù lao theo tháng	Tổng thù lao năm 2013	Tỷ lệ thù lao/LNST
1	Hội đồng quản trị	Đồng	46.000.000	552.000.000	0,44%
	Nguyễn Thành Duy	Đồng	10.000.000	120.000.000	0,10%
	Nguyễn Hữu Tâm	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Nguyễn Hữu Phương	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Trương Công Giới	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Nguyễn Tuấn Anh	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Nguyễn Anh Tuấn	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Trần Đức Hùng	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
2	Ban kiểm soát	Đồng	12.000.000	144.000.000	0,11%
	Ngô Tấn Hồng	Đồng	6.000.000	72.000.000	0,06%
	Thang Thanh Hà	Đồng	3.000.000	36.000.000	0,03%
	Trần Văn Thương	Đồng	3.000.000	36.000.000	0,03%

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:
Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Xây dựng hoàn tất quy chế quản trị nội bộ theo quy định về quản trị công ty theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 26/07/2012.
- Quy trình công bố thông tin nội bộ tuân thủ quy định Thông tư số 52/2012/TT-BTC, đảm bảo công tác công bố thông tin của công ty được thực hiện hiệu quả và kịp thời, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của công ty.



VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính năm 2013

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN:


CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
 Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
 Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
 Email: aac@dng.vnn.vn
 Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
 47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
 Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 74/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông****Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 21/02/2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

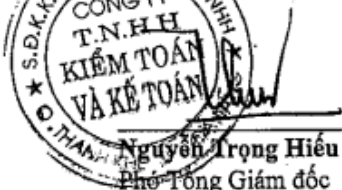
Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Hiếu
 Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-10-1

Ngô Thị Kim Anh
 Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1100-2013-10-1

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		368.133.554.237	296.539.543.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	117.109.954.647	163.337.393.822
1. Tiền	111		3.640.091.766	8.109.952.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.469.862.881	155.227.441.064
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		188.179.144.274	104.195.667.971
1. Phải thu khách hàng	131		179.670.224.113	99.589.323.035
2. Trả trước cho người bán	132		3.099.925.569	3.465.597.827
3. Các khoản phải thu khác	135	6	5.443.251.992	1.175.004.509
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(34.257.400)	(34.257.400)
IV. Hàng tồn kho	140		47.344.426.834	128.547.000
1. Hàng tồn kho	141	7	47.344.426.834	128.547.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.500.028.482	28.877.935.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	14.900.000.000	23.561.200.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	600.028.482	5.316.735.093
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.040.670.420.838	3.030.581.642.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.030.339.960.003	3.029.064.191.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.025.639.894.835	2.917.313.813.078
- Nguyên giá	222		3.288.402.013.381	3.030.714.619.286
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.762.118.546)	(113.400.806.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	17.811.420
- Nguyên giá	228		45.000.000	132.154.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.000.000)	(114.342.580)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	4.700.065.168	111.732.566.506
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.330.460.835	1.517.451.947
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.330.460.835	1.517.451.947
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.408.803.975.075	3.327.121.186.837

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.154.726.420.079	2.134.343.189.427
I. Nợ ngắn hạn	310		539.502.929.745	455.678.745.541
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	140.000.000.000	214.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		176.286.809.659	214.857.205.127
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	20.173.409.590	8.683.736.513
4. Phải trả người lao động	315		1.060.608.712	3.639.269.494
5. Chi phí phải trả	316	16	146.967.860.563	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	50.348.956.451	14.098.534.407
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.665.284.770	-
II. Nợ dài hạn	330		1.615.223.490.334	1.678.664.443.886
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	1.615.223.490.334	1.678.664.443.886
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.254.077.554.996	1.192.777.997.410
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.254.077.554.996	1.192.777.997.410
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(265.296.519)	(265.296.519)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	11.900.813.629	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	19	5.950.406.814	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	36.491.631.072	(6.956.706.071)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.408.803.975.075	3.327.121.186.837

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

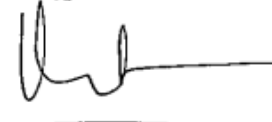
CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại		
- USD	6.166,05	92,38
- EUR	101,15	101,03


 Tổng Giám đốc
 Trương Công Giới
 Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng


 Huỳnh Mai

Người lập biểu


 Nguyễn Thế Nhật

CHỈ TIÊU	số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	20	528.414.619.633	233.151.735.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		528.414.619.633	233.151.735.346
4. Giá vốn hàng bán	11	21	197.393.358.156	131.921.941.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		331.021.261.477	101.229.794.198
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.180.212.657	20.855.620.785
7. Chi phí tài chính	22	23	190.896.164.746	118.223.201.502
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		190.650.204.414	117.406.899.089
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.301.903.905	11.585.225.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		126.003.405.483	(7.723.011.848)
11. Thu nhập khác	31	24	375.159.226	3.170.689.439
12. Chi phí khác	32	25	413.722.353	2.404.383.662
13. Lợi nhuận khác	40		(38.563.127)	766.305.777
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26	125.964.842.356	(6.956.706.071)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	26	125.964.842.356	(6.956.706.071)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.050	(58)



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Huỳnh Mai

Người lập biểu

Nguyễn Thế Nhật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	125.964.842.356	(6.956.706.071)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	149.932.367.755	110.236.362.145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	170.613	(6.258.317.992)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.123.649.530)	(13.687.006.943)
- Chi phí lãi vay	06	190.650.204.414	117.406.899.089
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	457.423.935.608	200.741.230.228
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(80.279.341.115)	(99.637.002.909)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(753.122.956)	(128.547.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11	13.363.431.623	12.093.688.108
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.477.287.788)	(23.436.836.298)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(195.017.982.198)	(169.242.207.113)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.035.546.611	263.002.238
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	191.295.179.785	(79.346.672.746)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(94.222.277.379)	(253.939.507.946)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	(56.563.127)	2.391.116.280
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.791.565.211	15.105.555.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.487.275.295)	(236.442.836.270)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	23.165.850.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	189.944.422.349	206.925.947.054
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(327.785.375.901)	(97.200.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.194.219.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(153.035.173.052)	132.891.797.054
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(46.227.268.562)	(182.897.711.962)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	163.337.393.822	346.235.059.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(170.613)	46.533
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	117.109.954.647	163.337.393.822



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Huỳnh Mai

Người lập biểu

Nguyễn Thế Nhật

THUYẾT MINH:**1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở Hợp đồng số 5852CP/ĐL2-ĐL3-XLĐ1-ĐLHN/2004 ngày 30/11/2004 giữa 4 đơn vị: Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, góp 30% vốn điều lệ), Công ty Điện lực Hà Nội (nay là Tổng Công ty Điện lực Hà Nội, góp 20% vốn điều lệ), Công ty Xây lắp Điện 1 (góp 20% vốn điều lệ). Đến ngày 24 tháng 11 năm 2005, Đại hội đồng cổ đông đã chấp nhận cho Công ty Xây lắp Điện 1 rút khỏi tư cách cổ đông sáng lập theo Nghị Quyết số 01/2005-CP/ĐHĐCĐSL, đồng thời Đại hội đồng cổ đông đã đồng ý cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập từ ngày 18/03/2006 theo Nghị Quyết số 01/2006-CP/ĐHĐCĐSL (góp 20% vốn điều lệ). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000503 ngày 13 tháng 12 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần thứ 01: ngày 28/9/2005, lần thứ 02: 14/3/2007, lần thứ 03: 05/05/2008).

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 20/04/2010 với mã chứng khoán CHP (UPCOM).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Tư vấn xây dựng các công trình điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế điện, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế lưới điện, hệ thống điện chiếu sáng;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng (địa điểm ngoài địa bàn Thành phố);
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình ngầm;
- Nạo vét lòng hồ;
- Nuôi trồng thủy sản và trồng rừng;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà và cho thuê;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho (thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện) được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 6
Tài sản cố định khác	5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2012 đến năm 2026); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2013 là năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế, theo đó công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2013 đến năm 2016 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2017 đến 2025;
 - ✓ Hoạt động kinh doanh khác: áp dụng thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành.
- Miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động (từ năm 2012 đến năm 2026);
- Miễn thuế hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.11 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	28.052.000	177.486.000
Tiền gửi ngân hàng	3.612.039.766	7.932.466.758
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	113.469.862.881	155.227.441.064
Cộng	117.109.954.647	163.337.393.822

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi dự thu	408.994.592	1.020.347.146
Phải thu khác	5.034.257.400	154.657.363
Cộng	5.443.251.992	1.175.004.509

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.278.552.383	128.547.000
Công cụ, dụng cụ	15.065.874.451	-
Cộng	47.344.426.834	128.547.000

(*) Trong tổng giá trị hàng tồn kho cuối năm có bao gồm giá trị của các vật tư, thiết bị dự phòng và vật tư thu hồi thuộc các gói thầu 82, 83, 84. Tổng giá trị vật tư, thiết bị dự phòng và thu hồi là 46.462.756.878 đồng đã được ghi giảm vào giá trị công trình nhà máy thủy điện A Lưới.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí chờ phân bổ	-	21.200.000
Chi phí lãi vay trả trước	14.900.000.000	23.540.000.000
Cộng	14.900.000.000	23.561.200.000

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	600.028.482	281.188.482
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	5.035.546.611
Cộng	600.028.482	5.316.735.093

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.802.705.566.399	1.220.907.726.582	6.061.517.056	968.811.722	70.997.527	3.030.714.619.286
Tăng trong năm	-	642.545.455	-	-	49.295.454	691.840.909
Đ/tư XD CB h/thành	49.810.869.731	270.803.563.600	-	-	-	320.614.433.331
Giảm khác (*)	62.751.115.048	-	-	-	-	62.751.115.048
Giảm theo TT45	-	52.818.182	108.156.635	635.792.753	70.997.527	867.765.097
Số cuối năm	1.789.765.321.082	1.492.301.017.455	5.953.360.421	333.018.969	49.295.454	3.288.402.013.381
Khấu hao						
Số đầu năm	39.635.721.913	70.651.683.903	2.430.202.419	630.252.985	52.944.988	113.400.806.208
Khấu hao trong năm	62.510.250.539	86.757.338.022	632.248.812	23.492.892	9.037.490	149.932.367.755
Giảm theo TT45	-	18.393.382	101.973.395	397.743.652	52.944.988	571.055.417
Số cuối năm	102.145.972.452	157.390.628.543	2.960.477.836	256.002.225	9.037.490	262.762.118.546
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.763.069.844.486	1.150.256.042.679	3.631.314.637	338.558.737	18.052.539	2.917.313.813.078
Số cuối năm	1.687.619.348.630	1.334.910.388.912	2.992.882.585	77.016.744	40.257.964	3.025.639.894.835

(*) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm khác do điều chỉnh nguyên giá theo Quyết định tạm phê duyệt giá trị tài sản cố định Nhà máy Thủy điện A Lưới số 411/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 17/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 407.216.441 đồng.

Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2013 của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay là 2.945.751.244.489 đồng.

(@) Nhà máy thủy điện A Lưới đã hoàn thành và vận hành thương mại trong năm 2012 (hiện tại dự án đang trong giai đoạn quyết toán giá trị công trình). Nguyên giá của công trình trên được phản ánh theo giá tạm tính theo Quyết định tạm phê duyệt giá trị tài sản cố định Nhà máy Thủy điện A Lưới số 411/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 17/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là 3.273.954.000.000 đồng và đã trích khấu hao trong năm 2013 là 148.710.347.031 đồng, lũy kế khấu hao đến ngày 31/12/2013 là 257.952.106.735 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	103.754.000	28.400.000	132.154.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm theo TT45	58.754.000	28.400.000	87.154.000
Số cuối năm	45.000.000	-	45.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	87.362.599	26.979.981	114.342.580
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm theo TT45	42.362.599	26.979.981	69.342.580
Số cuối năm	45.000.000	-	45.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.391.401	1.420.019	17.811.420
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 45.000.000 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thủy điện A Lưới	-	101.872.449.599
Thủy điện Đắk Dring 2	4.256.335.259	4.256.335.259
Nhà điều hành công ty	-	3.858.650.266
Nhà điều hành ban A	-	1.301.401.473
Thủy điện Sơn Hà	13.614.000	13.614.000
Dự án CDM A Lưới	430.115.909	430.115.909
Cộng	4.700.065.168	111.732.566.506

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	8.526.268.555	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	531.009.797	201.711.836
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp An Điền (i)	1.273.182.483	1.315.740.111
Cộng	10.330.460.835	1.517.451.947

(i) Là chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng từ ngày 14/7/2005 đến 21/9/2043 (39 năm) với diện tích 4.000 m² để xây dựng Văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 44/HĐ-TLĐ ngày 14/07/2005 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung và Công ty TNHH Massda Land.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	140.000.000.000	214.400.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế	120.000.000.000	194.400.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT - CN Sài Gòn	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	140.000.000.000	214.400.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.718.892.525	1.951.261.946
Thuế thu nhập cá nhân	185.886.070	182.710.298
Thuế tài nguyên	2.303.941.525	784.753.034
Các loại thuế khác	651.202.160	370.809.405
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.313.487.310	5.394.201.830
Cộng	20.173.409.590	8.683.736.513

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trích trước chi phí công trình nhà máy thủy điện A Lưới (@)	146.967.860.563	-
Cộng	146.967.860.563	-

(@) Công ty trích trước chi phí xây dựng của công trình Nhà máy Thủy điện A Lưới theo Tờ trình 1535/EVN/CHP ngày 13/12/2013 của Tổng Giám đốc Công ty về việc quyết toán vốn và kế hoạch thanh toán tiền giữ lại cho các nhà thầu thi công dự án Nhà máy thủy điện A Lưới và Quyết định số

411/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 17/12/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về việc tạm phê duyệt giá trị Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện A Lưới. Theo đó, Công ty đã lập Bảng tính xác định tổng mức đầu tư theo các hợp đồng xây lắp đã thực hiện theo tiến độ hợp đồng đến thời điểm hiện nay và tiến hành trích trước theo Quyết định phê duyệt. Toàn bộ tài sản cố định thuộc Nhà máy Thủy điện A Lưới đã được Công ty trích khấu hao tương ứng trong năm, số liệu trích trước này sẽ được các nhà thầu xuất Hóa đơn tài chính cho Công ty sau khi giá trị quyết toán công trình được phê duyệt.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	25.578.070	195.496.948
Lãi vay phải trả	-	13.007.777.784
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.323.378.381	895.259.675
- Tiền bảo hiểm bồi thường	5.074.082.300	-
- Cổ tức phải trả	44.805.780.500	-
- Phải trả khác	443.515.581	895.259.675
Cộng	50.348.956.451	14.098.534.407

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	1.615.223.490.334	1.678.664.443.886
+ Ngân hàng Phát triển V.Nam -CN Thừa Thiên Huế (*)	1.288.223.490.334	1.351.322.124.281
+ Ngân hàng NN & PTNT -CN Sài Gòn (**)	327.000.000.000	327.342.319.605
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	1.615.223.490.334	1.678.664.443.886

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 06/2008/HĐTDĐT-NHPT ngày 15 tháng 9 năm 2008 để đầu tư Dự án thủy điện A Lưới. Theo đó, tổng hạn mức vay: 1.656.091.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án Thủy điện A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/12/2008), lãi suất của Hợp đồng được phân chia theo từng hạng mục của công trình với các mức lãi suất: 6,9%/năm, 8,4%/năm và 11,4%/năm và sẽ được điều chỉnh theo lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước ở từng thời điểm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

(**) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 1600-LAV-200800752 ngày 30 tháng 9 năm 2008 để thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng và các chi phí khác có liên quan đến việc đầu tư Dự án thủy điện A Lưới tại Tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo đó, tổng hạn mức vay: 367.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng 2,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	1.176.735.950.000	(167.096.519)	6.561.073.319	-	-	-
Tăng trong năm	23.264.050.000	-	-	-	-	(6.956.706.071)
Giảm trong năm	-	98.200.000	6.561.073.319	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	1.200.000.000.000	(265.296.519)	-	-	-	(6.956.706.071)
Số dư tại 01/01/2013	1.200.000.000.000	(265.296.519)	-	-	-	(6.956.706.071)
Tăng trong năm	-	-	-	11.900.813.629	5.950.406.814	125.964.842.356
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	82.516.505.213
Số dư tại 31/12/2013	1.200.000.000.000	(265.296.519)	-	11.900.813.629	5.950.406.814	36.491.631.072

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	275.635.050.000	275.635.050.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	275.635.050.000	275.635.050.000
Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	107.121.000.000	107.121.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	62.618.000.000
Tổng Công ty Phát điện 1	62.618.000.000	-
Các cổ đông khác	478.990.900.000	478.990.900.000
Cộng	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu thường	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu thường	120.000.000	120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(6.956.706.071)	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	125.964.842.356	(6.956.706.071)
Phân phối lợi nhuận	82.516.505.213	
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	82.516.505.213	-
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.950.406.814	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	11.900.813.629	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.165.284.770	-
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	500.000.000	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông	60.000.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.491.631.072	(6.956.706.071)

Công ty thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty số 01/2013/NQ-EVNCHP-ĐHCD ngày 27/06/2013 và tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định số 418/QĐ-EVNCHP-HĐQT ngày 17/12/2013 của Hội đồng quản trị.

20. Doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	528.414.619.633	232.816.735.346
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	335.000.000
Cộng	528.414.619.633	233.151.735.346

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	197.393.358.156	131.586.991.648
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	334.949.500
Cộng	197.393.358.156	131.921.941.148

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.180.212.657	13.652.235.681
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	7.203.385.104
Cộng	9.180.212.657	20.855.620.785

23. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	190.650.204.414	117.406.899.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	245.789.719	513.547.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	170.613	302.755.327
Cộng	190.896.164.746	118.223.201.502

24. Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	119.535.015
Tiền bảo lãnh dự thầu	-	600.000.000
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	357.159.226	2.438.654.424
Thu nhập khác	18.000.000	12.500.000
Cộng	375.159.226	3.170.689.439

25. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	357.159.226	2.356.345.018
Chi phí hoạt động bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	56.563.127	47.538.144
Chi phí khác	-	500.500
Cộng	413.722.353	2.404.383.662

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.964.842.356	(6.956.706.071)
- Lợi nhuận của hoạt động SXKD chính	125.964.842.356	(14.339.336.777)
- Lợi nhuận của hoạt động khác	-	7.382.630.706
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(5.852.535.458)	552.000.000
Điều chỉnh tăng	552.170.613	552.000.000
- Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	552.000.000	552.000.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	170.613	-
Điều chỉnh giảm	6.404.706.071	-
- Chuyển lỗ năm trước	6.404.706.071	-
Tổng thu nhập chịu thuế	120.112.306.898	(6.404.706.071)
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động SXKD chính	120.112.306.898	(13.787.336.777)
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	-	7.382.630.706
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.011.230.690	-
Thuế TNDN được miễn theo ưu đãi đầu tư	12.011.230.690	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	125.964.842.356	(6.956.706.071)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	125.964.842.356	(6.956.706.071)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	125.964.842.356	(6.956.706.071)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	120.000.000	119.790.242
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.050	(58)

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.050.046.120	191.148.644
Chi phí nhân công	26.347.403.630	12.066.132.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.932.367.755	110.236.362.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.748.231.972	16.349.558.287
Chi phí khác bằng tiền	30.617.212.584	4.663.964.755
Cộng	220.695.262.061	143.507.166.477

29. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty số 01/2013/NQ-EVNCHP-ĐHCD ngày 27/06/2013 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2013 là 7%/vốn điều lệ, trong đó ứng trước 5% bằng tiền (tương ứng 60.000.000.000 đồng), phần còn lại sẽ được phân phối khi quyết toán tài chính năm 2013.

30. Công cụ tài chính**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty phát sinh một số giao dịch mua tài sản bằng ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ có gốc ngoại tệ. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Phải trả người bán USD	-	1.407.638,44
EUR	-	596.259,85
Tiền và các khoản tương đương tiền		
USD	6.166,05	92,38
EUR	101,15	101,03
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (USD)	-	241.768,13

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được, ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nhiên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng tại Công ty chủ yếu liên quan đến nợ phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng. Với đặc thù sản xuất điện năng tại Việt Nam, khách hàng duy nhất của công ty là Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam. Hiện nay Tập đoàn Điện Lực Việt Nam đang khó khăn về vốn nên chậm thanh toán tiền điện; Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty dự báo thời gian chậm thanh toán tiền điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ không kéo dài.

Tiền gửi ngắn hạn của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Huế, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP An Bình Đà Nẵng và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đà Nẵng). Hơn nữa, các khoản tiền gửi tại các ngân hàng hiện nay đều được bảo hiểm.

Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	140.000.000.000	1.615.223.490.334	1.755.223.490.334
Phải trả người bán	176.286.809.659	-	176.286.809.659
Chi phí phải trả	146.967.860.563	-	146.967.860.563
Phải trả khác	45.274.874.151	-	45.274.874.151
Cộng	508.529.544.373	1.615.223.490.334	2.123.753.034.707

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	214.400.000.000	1.678.664.443.886	1.893.064.443.886
Phải trả người bán	214.857.205.127	-	214.857.205.127
Phải trả khác	13.903.037.459	-	13.903.037.459
Cộng	443.160.242.586	1.678.664.443.886	2.121.824.686.472

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính:
VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	117.109.954.647	-	117.109.954.647
Phải thu khách hàng	179.670.224.113	-	179.670.224.113
Phải thu khác		-	-
Cộng	296.780.178.760	-	296.780.178.760

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và tương đương tiền	163.337.393.822	-	163.337.393.822
Phải thu khách hàng	99.589.323.035	-	99.589.323.035
Phải thu khác	1.140.747.109	-	1.140.747.109
Tài sản tài chính khác	5.035.546.611	-	5.035.546.611
Cộng	269.103.010.577	-	269.103.010.577

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Cổ đông sáng lập
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông sáng lập
Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty mua bán điện	Đơn vị phụ thuộc EVN

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan: Các giao dịch trọng yếu phát sinh với các bên liên quan trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán điện		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	528.414.619.633	232.816.735.346

c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu khách hàng		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mua bán điện	179.517.739.546	99.436.838.468

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

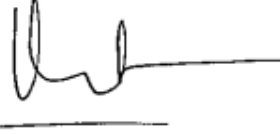
Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.


Trương Công Giới
 Đà Nẵng, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng


Huỳnh Mai

Người lập biểu


Nguyễn Thế Nhật

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của công ty



Trương Công Giới